

SÁNG TÁC HỒ ANH THÁI – TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA PHẬT GIÁO

NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG

Trường Du lịch - Đại học Huế

Email: nttuongart@hueuni.edu.vn

Tóm tắt: Từ thực tế đời sống tâm linh của người Việt với những giá trị văn hoá mà Phật giáo đem lại, dựa trên nhân sinh quan Phật giáo là giáo lý duyên khởi, nghiệp báo, vô thường... người viết đi vào phân tích và làm sáng tỏ quan điểm, tư tưởng của Phật giáo trong các tác phẩm của Hồ Anh Thái. Thông qua nghiên cứu nhân sinh quan Phật giáo trong hệ thống sáng tác của tác giả, bài viết đi đến kiến giải và làm sáng tỏ vai trò của các tư tưởng Phật giáo dưới góc nhìn đời sống văn học cộng hưởng với đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu tư tưởng, nhân sinh quan Phật giáo được Hồ Anh Thái sử dụng trong các sáng tác từ năm 1986 đến nay. Người viết hy vọng nghiên cứu này có thể góp thêm một hướng tiếp cận mới về giá trị các tư tưởng Phật giáo trong các tác phẩm thể tục.

Từ khóa: Sáng tác Hồ Anh Thái, văn hóa Phật giáo, nhân sinh quan Phật giáo.

1. MỞ ĐẦU

Đạo Phật không hoàn toàn thoát tục, lánh đời, quay lưng với cuộc sống trần thế mà nó đã, đang và sẽ hòa nhập với nhân sinh, cùng sẽ chia với con người trong thế giới hiện hữu vốn không ít khổ đau này. Tư tưởng triết học Phật giáo đã hòa nhập sâu vào văn hóa dân tộc, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Văn hóa Phật giáo với đặc tính từ bi và dung hợp, nên đi đến đâu cũng dễ dàng được tiếp nhận và dung hòa với tín ngưỡng nơi đó, đã ảnh hưởng rõ nét, tạo dấu ấn sâu đậm đối với nền văn học Việt Nam từ trung đại đến hiện đại.

Hồ Anh Thái là một nhà văn đương đại có cá tính sáng tạo độc đáo, ông đã và đang không ngừng cho ra đời những thử nghiệm mới lạ để tác phẩm của mình luôn hấp dẫn. Tác phẩm của ông tái hiện nhiều kiếp người, tầng lớp người, trong nhiều thời điểm, nhiều tình huống để từ đó nói lên quan niệm về nhân sinh, những thử nghiệm, những nhận thức mới về xã hội. Trở về Việt Nam sau sáu năm sinh sống và làm việc trên đất Ấn Độ như một nhân duyên, nhân sinh quan và thế giới quan nhà Phật chi phối sáng tác của ông trên cả phương diện nội dung lẫn hình thức biểu hiện. Về mặt nội dung, hệ thống nhân vật trong các tác phẩm của Hồ Anh Thái là sự thể hiện đậm nét tinh thần, giáo lý của Phật giáo. Qua mỗi nhân vật là một bài học về sự sống và chân lý ở đời được gửi gắm. Với lối trình bày một cách khéo léo những “thuyết lý Phật giáo”, tác giả đã chuyển tải, gửi gắm những thông điệp, những bài học về chân lý và sự sống qua các tác phẩm thể tục của mình. Hàng loạt những truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại mang đậm dấu ấn Phật giáo ra đời như tập truyện ngắn *Tiếng thở dài qua rừng Kim Tước* (1998), tiểu thuyết *Cõi người rung chuông tận thế* (2002) và *Đức Phật, nàng Savitri và tôi* (2006)... thể hiện rõ cảm quan, thái độ của Hồ Anh Thái đối với Phật giáo. Như nhận xét của Thích Chân Đạo: “Tác giả không phải

là một “tín hành tôn giáo”, không phải là người rao giảng cho tôn giáo nhưng họ chính là người lấy “bột” tôn giáo để “gột” nên tác phẩm” [9, tr.324]. Hay như Chu Văn Sơn, “đây chính là tác giả có tín tâm nhưng không hề là tín đồ của bất cứ tôn giáo phái hiện hành nào, tác giả chỉ đơn thuần như một cảm quan, một cái nhìn nghệ thuật về thực tại” [9, tr.324]. Dựa trên nhân sinh quan Phật giáo là giáo lý duyên khởi, nghiệp báo, vô thường, vô ngã... người viết đi vào phân tích và làm sáng tỏ quan điểm, tư tưởng của Phật giáo trong các tác phẩm tiêu biểu của Hồ Anh Thái.

Văn hóa theo nghĩa đen của nó là dùng cái đẹp (văn) để giáo hóa con người. Phật giáo lấy việc độ sanh làm cứu cánh, do đó văn hóa được xem như nền tảng. Ngay từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã đồng hành cùng dân tộc, trở thành một bộ phận không thể tách rời của truyền thống tinh thần dân tộc, bởi cùng mục tiêu hướng đến chân - thiện - mỹ nhằm nâng cao tầm vóc cao đẹp của con người. Văn hóa Phật giáo bao gồm hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần của đạo Phật, được sáng tạo và tích lũy trong lịch sử Phật giáo và quá trình hoạt động thực tiễn của cộng đồng. Nhân sinh quan Phật giáo với các giá trị đạo đức, văn hóa, tư tưởng hệ thống triết lý nhân văn như duyên khởi, nhân quả, nghiệp báo, từ bi, vô ngã, vị tha... để con người nương theo đó mà có thể điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với những quy tắc chuẩn mực đạo đức, đem lại an vui, hạnh phúc cho mình và mọi người. Tác phẩm của Hồ Anh Thái là những thể giới nghệ thuật được sáng tạo dưới hào quang của giáo lý nhà Phật, nó mang đậm tinh thần văn hóa Phật giáo, thông qua thể giới hình tượng sống động. Tư tưởng nhân sinh quan giáo lý nhà Phật trong ba tác phẩm tiêu biểu của Hồ Anh Thái được chúng tôi thống kê như sau:

Nhân sinh quan Phật giáo	Tác phẩm
Thuyết duyên khởi (Tứ đế, ngũ uẩn, vô ngã, nghiệp, nhân quả...)	- Tiểu thuyết <i>Cõi người rung chuông tận thế</i> - Tiểu thuyết <i>Đức Phật, nàng Savitri và tôi</i>
Thuyết vô thường	- Tiểu thuyết <i>Cõi người rung chuông tận thế</i> - Truyện ngắn <i>Tiếng thở dài qua rừng Kim Tước</i> - Tiểu thuyết <i>Đức Phật, nàng Savitri và tôi</i>
Thuyết vô ngã	- Tiểu thuyết <i>Đức Phật, nàng Savitri và tôi</i>
Từ bi	- Tiểu thuyết <i>Đức Phật, nàng Savitri và tôi</i>
Phật tâm	- Tiểu thuyết <i>Cõi người rung chuông tận thế</i> - Tiểu thuyết <i>Đức Phật, nàng Savitri và tôi</i>

2.1. Thuyết duyên khởi

Duyên khởi là giáo lý mà Bồ tát Tất Đạt Đa đã quán chiếu và chứng đắc vô thượng bồ đề sau bốn mươi chín ngày thiền định dưới cội cây già. Duyên khởi là vô cùng tất yếu, quan trọng để đưa con người về giải thoát, là máy móc vận hành, sinh khởi của toàn bộ khổ đau trên đời, của mọi hiện hữu hữu vi, của nghiệp, của tái sinh. Nếu vận hành theo chiều ngược lại thì duyên khởi là sự chấm dứt các hiện hữu hữu vi, nghiệp, sinh tử, luân hồi. Từ đó, giáo lý duyên khởi được hiểu là bao gồm các giáo lý cơ bản khác của Phật giáo như: Tứ đế, ngũ uẩn, vô ngã, nghiệp, nhân quả, luân hồi... Duyên khởi thể hiện rõ chủ trương vũ trụ quan và nhân sinh quan Phật giáo. Về vũ trụ quan, duyên khởi là một thực tại của con người và thế giới, là sự tương hệ giữa các yếu tố chính (nhân) và điều kiện

phụ trợ (duyên). Vậy duyên sinh hay nhân duyên sinh là nguyên lý về sự có mặt của tất cả pháp hữu vi. Về nhân sinh quan, duyên khởi biểu hiện ở con người qua 12 nhân duyên (thập nhị nhân duyên) gồm: vô minh, hành, thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử.

Tất cả sự vật trong vũ trụ chuyển biến liên tục theo một quy luật chung, đó là quy luật “nhân quả”. Trong thế giới tương quan duyên sinh, mỗi sự vật, hiện tượng đều có những nguyên nhân của nó. Khi nói đến nhân quả, một vấn đề khác được đặt ra đó là nghiệp. Bởi lẽ, định luật nhân quả hệ luận của nó là nghiệp, nghiệp báo. Nghiệp (Karma) là hiện thực hóa của định luật nhân quả trong thế giới nhân sinh vũ trụ, là một định luật luân lý đạo đức, là hành động phát sinh từ tâm, từ hành uẩn hoặc tư tâm sở. Có thể thấy rằng, duyên khởi - nhân quả - nghiệp báo là ba giáo lý có mối quan hệ hữu cơ, hỗ tương, bổ sung giải thích làm sáng tỏ cho nhau.

Trên nền của chủ đề tư tưởng đậm màu sắc giáo lý Phật giáo và tín ngưỡng dân gian (cuộc đấu tranh thiện ác, cái thiện chiến thắng cái ác, luật nhân quả, vòng luân hồi, sự trả giá cho cái ác theo kiểu ác giả ác báo), tư tưởng giải thoát, kết hợp với niềm hy vọng về “Cái đẹp cứu rỗi thế giới”, Hồ Anh Thái đã triển khai một tự sự theo mô hình tiểu thuyết phiêu lưu để tái hiện lại hành trình của nhân vật từ chỗ đồng lõa với cái ác đến sự sám hối và sự giải thoát khỏi cái ác. Sử dụng trần thuật từ ngôi thứ nhất, tiểu thuyết *Cõi người rung chuông tận thế* được xây dựng trên mô hình kết cấu cổ điển của tiểu thuyết: một trạng thái khởi điểm (bộ ba đồng lõa Cốc, Phũ, Bóp và nhân vật xưng tôi; cuộc hành trình đi tìm khoái lạc của họ), một tình huống tạo ra những xung đột (cuộc gặp gỡ với Mai Trùng), những biến cố (cái chết thảm khốc và bí ẩn của Cốc, Phũ, Bóp), những hành vi vượt qua thử thách (hành trình đi tìm Mai Trùng, hành trình sám hối của nhân vật tôi) hành vi “mở nút” xung đột (cuộc gặp gỡ Mai Trùng, chuyến đi tìm mộ) và trạng thái ổn định cuối cùng (nhân vật sám hối và được giải thoát). Nhà văn thể hiện sự thâm nhuần nhân sinh quan Phật giáo với duyên khởi - nhân quả - nghiệp báo thông qua hành động của các nhân vật và đan xen các mảng hiện thực.

Trong *Cõi người rung chuông tận thế*, con người là nạn nhân của chính mình, họ phải gánh chịu tất cả những gì mình đã gây ra. Phật giáo quan niệm mọi hành động mà mỗi cá nhân thực hiện đều để lại kết quả và kết quả đó được quy định bởi bản chất của hành động, cái đó gọi là nghiệp (Karma). Dưới góc nhìn của ánh sáng duyên khởi, có thể thấy được một chuỗi vận hành liên tục của các chi phần duyên khởi trong từng nhân vật. Điều này hoàn toàn đúng khi mà cái chết của ba nhân vật trong tiểu thuyết *Cõi người rung chuông tận thế* đều là hậu quả do chính họ tạo ra. Cốc, Bóp, Phũ lần lượt tự chuốc lấy cái chết vì chính hành vi dục tính và sự mê muội ham muốn trả thù của mình. Nhìn lại hành động của Cốc, Bóp, Phũ ta mới hiểu rõ điều mà Phật gọi là vô minh – điểm nút đầu tiên đưa người ta vào đau khổ trong cuộc đời. Cốc chết vì ham muốn (Tham) chiếm đoạt thể xác cô gái; vì mất bạn, Bóp và Phũ tức giận tới mức hận thù một cách hung bạo (Sân); lòng sân hận làm tâm trí mê muội, vô minh không thể phân biệt được lẽ phải trái (Si) vì thế cả hai đã phải trả giá. Đó là hiện thân của Tam độc theo quan niệm của Phật giáo.

Nhân vật Mai Trùng - một cái tên có nhiều ý nghĩa và chứa đựng nhiều nỗi hận thù khi cha mẹ đặt cho cô trong lúc sinh cô ra ở chiến trường năm xưa. Ngay từ nhỏ Mai Trùng đã nhận ra được một sức mạnh bí ẩn đang tồn tại trong con người cô, khi cô bị những người chung quanh định hãm hại cô thì ngay lập tức họ sẽ bị trừng trị bằng chính hành động họ định làm tổn hại đến Mai Trùng: “Vũ khí tức khắc tuột khỏi tay chúng, một cái gậy tre văng lên cao, rơi xuống, đập đánh bốp vào đầu một thằng. Một cây nứa vót nhọn tự quay đầu, xuyên vào bắp đùi một thằng khác. Hai thằng kia ngã vật ra giãy đành đạch như đồng loạt trúng gió. Bốn thằng con trai to con rên rỉ gào thét vang nhà...” [3, tr.209]. Nhà văn Hồ Anh Thái đã dựng nên không gian tâm linh trong tác phẩm, đó là không gian ẩn chứa niềm tin về khả năng đặc biệt của con người, về nơi năng lực siêu nhiên của con người được thể hiện. Ba cái chết mở đầu tác phẩm chỉ là những góp nhặt hiện tượng cho thấy những ai có hành vi, ý đồ xấu liên quan đến nhân vật Mai Trùng đều bị chết không lý do: Cốc chết khi đang tắm biển, vì dục tính của mình mà giờ trò sàm sỡ với Mai Trùng, “Thằng Cốc bỗng giật nảy theo phương thẳng đứng. Nảy mạnh. Nảy cao. Nó rơi trở xuống không một tiếng kêu. Quẩn quại.” [3, tr.23]; “Thằng Bóp đang đứng đưa như một hình nộm giữa phòng tắm khá rộng. Một sợi dây thừng siết quanh cổ nó, treo vào cái móc ở trên trần. Mặt nó bầm tụ máu, mắt nó trợn tròn, lưỡi nó thè lè” [3, tr.54]; “Thằng Phũ bật ra khỏi xe cũng quay tít, đầu quật vào một gốc cây vỡ toang sọ, lăn lông lốc mấy vòng rồi nằm vắt mình trên một miệng cống để ngỏ” [3, tr.93].

Qua tác phẩm này, “Hồ Anh Thái đã gióng lên hồi chuông cảnh báo với cõi người, hãy thanh lọc hết hận thù, hãy bao dung và yêu thương đồng loại, đừng để cái ác ngự trị trong tâm hồn, bởi cái gì cũng có giá của nó, mỗi người có một cái nghiệp của riêng mình” [2, tr.361]. Bên cạnh đó nhà văn vẫn gieo vào lòng người đọc một niềm tin ở sự hướng thiện của con người. Sau ba cái chết của ba đứa cháu lại đến Đông muốn trả thù, anh cũng đã thừa nhận rằng: “Tôi cũng muốn trả thù. Tôi cũng muốn dẹp hận thù lại cùng một lúc” [3, tr.67]. Cuộc hành trình sám hối của nhân vật Đông cũng bắt đầu, sự thanh lọc tâm hồn khi bỏ ý định trả thù Mai Trùng mà tìm cô để sám hối với lòng hướng thiện: “Tôi đến để ăn năn. Tôi không còn dám nghĩ điều ác về Mai Trùng nữa” [3, tr.199]. Niềm tin vào con người, tin vào sự hướng thiện, luật nhân quả hiện hữu, tư tưởng giải thoát, vòng luân hồi luân chuyển chính là những tư tưởng nhân văn cao đẹp của đạo Phật mà Hồ Anh Thái muốn gửi thông điệp thông qua những sáng tác của mình.

Trong tác phẩm *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, thông qua việc dựng lại câu chuyện biên niên về cuộc đời của đức Phật, Hồ Anh Thái đã chuyển tải giáo lý cơ bản của Phật giáo, thông qua những lời giáo huấn trực tiếp của Đức Phật, chuyển tải qua cuộc đời và số phận của các nhân vật. Từ triết lý của giáo lý nhân quả, nghiệp báo, luân hồi trong Phật giáo, nhà văn Hồ Anh Thái đã vận dụng xây dựng các hình tượng nhân vật như: nàng Savitri xinh đẹp, hai vị vua Bimbisara và Pasenadi, tên cướp Aguli Mala, Devaddta, Đạo sư và nhiều nhân vật khác. Sở dĩ quả báo của họ phải nhận đều xuất phát từ ác nghiệp họ gây ra là tham, sân, si. Nhân vật Savitri là chìa khóa mở cánh cửa lịch sử một cách thần tình có liên hệ với Thuyết luân hồi, nhân quả của đạo Phật. Nhân vật nổi bật cho triết lý nhân quả của ác nghiệp trong vô minh, đam mê dục lạc. Nhân gây ra ở tiền kiếp, khiến Quả mà nàng gánh chịu là suốt đời cô độc ở ngay trong tiền kiếp và hậu kiếp. Đến cuối đời, Savitri

phải sống trong cô đơn: “Lần lượt từng người đàn ông đến rồi đi. Đi hết. Rồi người đàn bà duy nhất cũng bỏ đi nốt, khép trọn một cuộc đời cô độc” [5, tr.369]. Sự trừng phạt còn kinh khủng hơn vì Savitri không thể gần gũi những người đàn ông mình yêu thương. Ngay trong cuộc đời của hai vị vua Bimbisara và Pasenadi cũng là chân lý cho nhân quả ở đời. Vua Bimbisara, vua Pasenadi là hai vị vua tôn sùng đạo Phật, cũng nhờ hai vị vua này mà Phật giáo được mở rộng, phát triển mạnh mẽ hơn. Vua Bimbisara đã sai lầm khi nuôi dưỡng con mình bằng máu, để rồi chính vua phải trả bằng chính máu của mình. Vua Pasenadi vì vô minh đã không nói rõ gốc tích cho con trai mình và chính điều ấy đã nuôi dưỡng sự thù hận, độc ác.

Tiểu thuyết *Đức Phật, nàng Savitri và tôi* còn chứa đựng những triết lý Phật giáo như tư tưởng giải thoát, giác ngộ, tư tưởng Khổ đế. Đó là tình yêu mê muội đầy dục vọng của cô công chúa Savitri với vị hoàng tử Siddaha và cố gắng chiếm đoạt lấy thân xác của Người bất chấp Người đã trở thành đức Phật. Cuộc rượt đuổi và đấu tranh giữa dục vọng, niềm tin, đạo đức, đau khổ... của những con người đi tìm ánh sáng. Trong mỗi con người bên cạnh những dục vọng cá nhân cũng tồn tại sâu thẳm trong lòng khao khát được hướng tới sự thông thái, bình yên. Khi sinh ra, những dục vọng đã ngẫu nhiên tồn tại hằn trong mỗi người, đúng như lời Phật dạy: “Đời là bể khổ”. Không chỉ là nạn nhân của lòng Tham ái, Dục vọng, con người trong tiểu thuyết này còn bị xoay vần trong Sân hận. Ấn tượng nhất vẫn là câu chuyện về tên cướp Ahimsaka trong *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*. Lòng đố kỵ của đám bạn học, sự hờ dờ của thầy dạy, sự khước từ của người cha, thái độ ruồng rẫy của người yêu – tất cả là nguyên nhân đẩy Ahimsaka vào biển thù hận, trở thành kẻ giết người, cướp của khét tiếng ở Kosala chuyên chặt ngón tay út của nạn nhân xâu thành vòng cổ. Người ta gọi anh là Anguli Mala, Mala là tràng hạt, Anguli là ngón tay út. Những hành động tàn độc của Anguli trở thành vòng nhân quả luân hồi tiếp theo. Quả đầu tiên Ahimsaka gặp phải là gặp cậu bé - con trai người đàn ông đã cầu xin chàng tha mạng năm nào giờ khiến Ahimsaka trở nên buồn bã, ân hận, day dứt. Nhưng ác nghiệp Ahimsaka gieo quá nhiều nên quả không chỉ dừng lại ở việc cho chàng sám hối. Trong một lần đi khát thực, Ahimsaka bất ngờ bị một người góa phụ nhận ra. “Biết bao nhiêu gia đình trong kinh thành có người thân bị tên cướp giết hại, hận thù cũ vẫn chưa xóa được. Người gây gộc, người gạch đá ào ào xông tới, trút căm hờn lên đầu khát sĩ” [5, tr.336]. Ahimsaka ngồi xuống trong thế tọa thiền hứng chịu tất cả, vô cùng đau đớn, nhục nhã. Để trả hết ác nghiệp, chàng Ahimsaka phải từ giã cõi đời này. Anh bỏ về thiền viện với thân hình đầm máu và phục xuống dưới chân Phật. Đến lúc chết anh mới hiểu được giáo lý của Người. Đạo Phật nhấn mạnh đặc tính thứ ba trong bốn đặc tính của luật nhân quả: trong nhân có quả, trong quả có nhân. Chính trong nhân hiện tại đã hàm chứa quả vị lai; cũng chính trong quả hiện tại, đã có hình bóng của nhân quá khứ. Nhân và quả nối tiếp nhau, đáp ứng nhau như những vòng dây chuyền. Triết thuyết này thể hiện ấn tượng qua câu chuyện về cuộc đời Ahimsaka.

2.2. Thuyết vô thường

Vô thường là một trong những học thuyết nền tảng của đạo Phật, là một định luật chi phối tất cả mọi vật trên thế gian này. Vô thường có nghĩa là “không bền vững”, “không thường còn” hay “không thật tính”. Tất cả các pháp trong thế gian đều sanh diệt chuyển biến, mọi

thứ đều vận động và sanh diệt liên tục, không có gì tồn tại vĩnh cửu. Con người hay sự vật từ khi được sinh ra đều chịu sự chi phối của quy luật vô thường đó là “Sinh, trụ, dị, diệt” hay “Thành - trụ - hoại - không”. Vô thường của Đạo Phật là phương pháp chỉ rõ thực tế, thực tánh của các pháp là chân lý khách quan của cuộc đời nhằm phá trừ mê lầm, tham ái, chấp ngã. Đức Phật dạy rằng: “Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, chúng phát sinh và hoại diệt” [4]. Như nhà triết học cổ đại Hy Lạp Heraclite đã nói rằng: “Không ai có thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông”.

Thế giới vô thường trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái là cả một nhân loại đầy phức tạp. Những khám phá tinh vi về con người, về từng số phận, từng tính cách đã góp phần tạo nên một thế giới người với đủ màu sắc phong phú. Nhà văn đã tái hiện thành công một xã hội với nhiều loại người, nhiều lớp người. Xã hội Việt Nam đang trong thời kỳ chuyển biến từ bao cấp sang kinh tế thị trường bên cạnh những cái đổi mới, cái hiện đại, cái tân thời thì cũng bộc lộ nhiều vấn đề bất cập, nhiều thói hư tật xấu nảy sinh. Con người phải gánh chịu nhiều khổ đau nhưng họ không trốn chạy, ở họ không thấy sự hiện diện của nỗi khổ đau mà trái lại có sự an nhiên bình thản đến lạ kỳ. Phải chăng khi nỗi bất hạnh quá lớn, các nhân vật đã nhìn thấu chân lý “thành - trụ - hoại - không” của cuộc đời. Bởi, tất cả sự vật là vô thường, chúng sanh là vô ngã, thân thể là bất tịnh, mọi sự lãnh thọ đều là khổ. Chỉ có một con đường giải thoát - vô ưu giữa cuộc đời bất định.

Thế giới nghệ thuật trong các tác phẩm của Hồ Anh Thái hiện diện một thế giới vô thường với “cõi người” sinh động và đầy biến ảo. “Cõi người” không chỉ được gọi tên một cách trực tiếp như trong *Cõi người rung chuông tận thế* mà nó còn được khắc họa, được tạo dựng trong hầu hết các sáng tác của nhà văn. Nó hàm chứa một quan niệm, một cách nhìn, một chiêm nghiệm về cuộc đời, về nhân tình thế thái của nhà văn. Cũng như “Tấn trò đời” của Balzac, “Cõi người” trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái cũng là một “tấn trò đời”, một nhân loại riêng với đầy đủ tất cả những hỷ, nộ, ái, ố, sinh, lão, bệnh, tử... Tôn giáo quan niệm “cõi người” là cảnh giới mà chúng ta đang sống và đang thụ hưởng cả hạnh phúc lẫn khổ đau. Thuyết *Luân hồi* của Phật giáo cho rằng phạm vi luân hồi bao gồm sáu cõi: Trời, cõi người, cõi Tula (Thần đạo), cõi súc sinh, cõi quỷ, cõi địa ngục. Phật giáo tin rằng, phạm vi luân hồi sinh tử tuy có sáu cõi, nhưng cõi người là chủ đạo, vì chỉ ở cõi người, chúng sinh vừa có thể gieo các nhân thiện hay ác nghiệp, vừa chịu quả báo. Chỉ có ở “cõi người” vô thường, chúng sinh vừa thụ quả báo vui, vừa chịu quả báo khổ, lại có thể phân biệt được thiện ác. Cái chết đột ngột, kinh hoàng của ba chàng trai trẻ Cốc, Bóp, Phũ trong tác phẩm *Cõi người rung chuông tận thế*, ba nhân vật đại diện cho thanh niên thời hiện đại với sống lối sống dục vọng, ích kỷ cá nhân, chỉ biết hưởng thụ, hưởng lạc. “Thằng Cốc bỗng giật nảy theo phương thẳng đứng. Nảy mạnh. Nảy cao. Nó rơi trở xuống không một tiếng kêu. Quẩn quại.” [3, tr.23]; “Thằng Bóp đang đung đưa như một hình nộm giữa phòng tắm khá rộng. Một sợi dây thừng siết quanh cổ nó, treo vào cái móc ở trên trần. Mặt nó bầm tụ máu, mắt nó trợn tròn, lưỡi nó thè lè” [3, tr.54]; “Thằng Phũ bật ra khỏi xe cũng quay tít, đầu quật vào một góc cây vỡ toang sọ, lăn lông lốc mấy vòng rồi nằm vắt mình trên một miếng cống để ngó” [3, tr.93]. Ngọn lửa vô thường ập đến khiến cả ba chàng trai lần lượt ra đi khi đang trong độ tuổi thanh xuân. Một khi vô thường ập đến thì không ai có thể lường trước được chuyện gì sẽ xảy đến với mình. Bởi lẽ, do họ

không biết thân này là giả huyễn, do vay mượn các duyên của tứ đại mà tạo thành, khi các duyên tan rã thì thân này cũng không còn tồn tại nên cứ sống buông thả theo dục bản năng, theo sự mê mờ của tâm thức.

Thật vậy, ngọn lửa vô thường luôn rình rập bên ta và ập đến lúc nào ta không hay biết. Địa vị danh vọng, sắc đẹp, tiền tài vật chất như đám mây trôi nổi, nào ai giữ được. Cô nàng Nilam trong *Tiếng thở dài qua rừng Kim Tước*, một người con gái vô cùng xinh đẹp “Mười sáu tuổi Nilam đã làm cho lũ trai làng ngả nghiêng, đi đường thì sa chân xuống ruộng, đi cạnh ruộng thì sảy chân xuống hồ. Có đứa còn mang sáo đến thổi, thổi mà ngồi dưới gốc cây bỏ đề tít tắp đằng xa, đến tai người đẹp thì chỉ còn là tiếng dế kêu hoang vắng”. Nhưng chỉ sau một cuộc chiến khi về nhà chồng, thì khuôn mặt xinh đẹp ấy không còn nữa đến nỗi mọi người không còn nhận ra được Nilam nữa “những hố mắt hố mũi và những gò đồng lõm chồm...hàng môi sứt sẹo” [4, tr.39]. Và cũng sau một trận cuồng phong thì cánh rừng cây kim tước vào mùa hoa, “những chùm hoa kim tước rủ xuống như những chùm nho vàng tươi trong suốt, cả một vườn kim tước bừng sáng xòa ra như mái tóc vàng của người đẹp ngủ trong rừng” đã bị quật ngã. Quả là con người hay vạn vật không ai có thể nắm giữ được, làm chủ được trước sự vô thường ấy.

Đám mây vô minh đã nhấn chìm con người trong vũng lầy tham sân si. Thông qua nhân vật Đạo sư trong *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, người ta thấy sự suy đồi của đẳng cấp giáo sĩ Bà la môn lúc bấy giờ. Đạo sư có thừa mưu mô, thủ đoạn để xác lập vị trí tối cao trong vương quốc, sự tham lam, tàn ác trong hành nghề. Là quốc sư triều đình, lão không từ một cơ hội nào để bày vẽ tế lễ, “tế lễ là dịp giáo sĩ vơ vét tài sản của đất nước và con dân” [5, tr.160]. Một khi vị trí tối cao bị đặt câu hỏi, tế sư đàn áp và truy đuổi ngay cả công chúa Savitri. Nhưng nhân nào quả đó, “chư thiên đã ra tay trừng phạt kẻ dối thần lừa dân, kẻ ngạo mạn ăn lộc thánh mà không coi thần thánh ra gì” [5, tr.303]. Sự thật bị bại lộ, “tràng hạt thiêng và hòn đá thần saglarama là của giả, không đúng như lời quốc sư vẫn khoe khoang. Hai báu vật rơm không thể bảo vệ được danh dự cho quốc sư được nữa rồi” [5, tr.305-306]. Kết cuộc quốc sư bị lột mất tước bậc phẩm hàm, chỉ còn một danh xưng là đạo sư, bị giáng xuống làm thường dân và phải nhận cái chết không thanh thản.

Hồ Anh Thái thành công trong việc xây dựng hình tượng con người tha hóa, đắm chìm trong dục vọng trong xã hội, sự tha hóa cũng đồng nghĩa với cái ác. Vấn đề của con người - nhân loại được đề cập: thiện - ác, sinh - diệt. Tác giả chọn cách đứng trên cỗ xe của cái ác; gần gũi, tòng phạm, hóa thân vào cái ác... để chỉ ra căn nguyên sâu xa hình thành cái ác. Nhà văn rung chuông báo động về một ngày tận thế, cái chết sẽ đến, đó là ngày cái ác sẽ chế ngự cõi người. Tuy vậy, từ trong sâu thẳm, nhà văn vẫn neo giữ một niềm tin cho người đọc, tin ở sự hướng thiện của con người.

2.3. Thuyết vô ngã

Vô ngã là giáo lý cốt lõi, là pháp ấn chỉ có trong Phật giáo. Tất cả các pháp hữu vi, vô vi của thế gian đều không có thực thể của ngã, chúng đều vô ngã. Các pháp chuyển dịch liên tục, trong mỗi sát na mọi sự vật đều thay đổi không ngừng, ví như dòng nước chảy mạnh, như sấm chớp, như bọt nước,... Vì vậy, chúng không có thực ngã. Con người ta chỉ vì

mê lầm, vọng chấp cái ta, tức là bản ngã mà phải chịu khổ lụy, sa đọa mãi trong vòng sinh tử luân hồi. Giáo lý Vô ngã tồn tại và hiện hữu trong mọi sự vật, với Phật giáo ta không thể tìm thấy một cái gì gọi là ngã trong sự vật cả, không có một chủ thể tuyệt đối, không có một linh hồn bất tử, không có một đấng sáng tạo vĩnh cửu. Bởi vì tất cả vạn pháp đều do duyên sinh, sự hiện hữu của chúng sanh đều vô ngã. Như vậy, theo đạo Phật, cái ngã, cái "tôi" là không có mà chỉ là một tập hợp của Ngũ uẩn, luôn luôn thay đổi, sinh diệt. Vô ngã là một trong 3 pháp ấn. Hai pháp ấn còn lại là Khổ và Vô thường. Cái gì có sinh thì phải có diệt là vô thường; cái gì vô thường thì là khổ; cái gì khổ mà nó biến đổi theo duyên sinh (không tùy thuộc vào ý muốn của nó) thì là vô ngã. Mọi pháp hữu vi (pháp có sinh thì có diệt) thì là Khổ, Vô thường, Vô ngã. Pháp Vô vi (pháp không có sự tạo tác nên không có sự diệt) cũng là vô ngã. Pháp Vô vi không có tính chất Vô thường và Khổ như pháp hữu vi.

Chính tư duy hữu ngã của con người đã làm sanh khởi bao dục vọng, tham lam, ích kỷ, sân hận... đã tạo ra khủng hoảng môi sinh, đạo đức xã hội và chiến tranh triền miên. Đạo Phật không giải phóng con người ra khỏi vỏ bọc vật chất đang hiện hữu, chỉ muốn giải phóng chúng sanh ra khỏi các tư duy hữu ngã đang trói buộc chúng sanh mà thôi. Nhân vật Nàng hầu Juhi trong tác phẩm *Đức Phật nàng Savitri và tôi* suốt đời chìm đắm trong mê cung của dục lạc nhưng cuối cùng nàng cũng có lúc nhận ra “Ta không cần gì cho ta nữa. Đối thì khát thực. Rét thì thí chủ bố thí cho y” [5, tr.400]. Cô đã nhận ra cái thế gian u tối kia tràn ngập cả sự khổ đau và cô cũng là một nạn nhân của nó.

Đức Phật, nàng Savitri và tôi là tác phẩm mang đến không gian Phật giáo đậm đặc từ nhân vật cõi Phật đến tinh thần, quan điểm giáo lý của Phật. Tinh thần Phật giáo được thể hiện trước tiên thông qua hình ảnh đức Phật - con người vô ngã với tình thương và trí huệ. Đây có lẽ là con người đẹp nhất, toàn bích nhất mà Hồ Anh Thái đã dành tất cả tấm lòng tôn kính để xây dựng nên. Hồ Anh Thái đã tái tạo một nhân vật đức Phật gần gũi với trí huệ sáng suốt và trái tim rộng lớn có sức chứa vô bờ bến, hóa giải bao dung. Chứng kiến chúng sanh từ con người cho đến loài vật phải lâm vào những cảnh khổ của cuộc đời, đau xót trước những nỗi khổ trầm luân ấy, Ngài cảm thấy không còn thiết tha gì những lạc thú nhỏ nhoi và chóng tàn của cuộc đời trần thế, nên đã quyết định từ bỏ địa vị, quyền lực giàu sang, tình thâm để rời khỏi hoàng cung, vào rừng tu tập, đi tìm một con đường đến với hạnh phúc lâu bền. Con đường ấy có thể chấm dứt mọi đau khổ cho chúng sanh. Ngài thấy rằng: “Nếu như con người thấy cái tự ngã của mình và của mọi hiện hữu là rỗng không, là không có chủ hữu, không có sở hữu, thì trong đầu óc họ không còn có chỗ cho lòng tham, hận thù, ghen ghét, đố kỵ. Người ta sẽ không còn cảm thấy đau khổ, bất hạnh. Trái tim chỉ còn chứa đầy lòng yêu thương. Chính lòng từ bi này sẽ đem đến bình yên và hạnh phúc” [5, tr.166]. Giữa khi nhân loại vẫn còn chìm đắm trong cơn mê Ngã và Ngã sở, thì tiếng nói duyên sinh, vô ngã của Đức Phật vẫn mãi là tiếng nói của sự giác ngộ giải thoát, là tiếng chuông thức tỉnh lòng người mau vượt khỏi khổ đau.

Khai thác kiểu nhân vật đại diện cho tình thương và trí huệ như ngọn đuốc ở giữa tòa sáng, soi chiếu dẫn lối vận động của những nhân vật còn lại, tác phẩm của Hồ Anh Thái vừa có sự đậm đà của những lớp trầm tích trí tuệ văn hóa, vừa có vị thanh nhẹ của những

suy tư, nỗi niềm, vừa có vị cay cay của những chiêm nghiệm cuộc đời khổ đau mất mát. Và cũng vì thế, chúng mới có vị ngọt ngào đến từ những giá trị vĩnh hằng của con người.

2.4. Từ bi

Từ bi trong Phật giáo là khả năng nhận thức rằng mọi sinh linh có giác cảm, từ con người cho đến các sinh vật khác đều gánh chịu khổ đau, khi nào tất cả các sinh linh ấy chưa được giác ngộ và giải thoát, thì từ bi chính là ước vọng mãnh liệt thúc đẩy giải thoát cho tất cả mọi chúng sinh ra khỏi khổ đau. Từ bi là nguồn gốc của muôn hạnh lành, những hành động tốt đẹp đều do lòng từ bi mà ra cả. Nhờ từ bi mà muôn vật đỡ bị sát hại, đau đớn; nhân loại đỡ chiến tranh; người nghèo hết đói lạnh, người giàu bớt tham lam; người ngu được khai ngộ, người độc ác trở lại hiền lành, người sợ hãi trở lại yên tâm.

Trong tiểu thuyết *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, qua cuộc đời của đức Phật, Hồ Anh Thái đã chuyển tải những nguyên lý cơ bản của học thuyết Phật giáo, chủ yếu là tư tưởng về sức mạnh của tình yêu thương và lòng từ bi. Nói đến từ bi thì gương hạnh đầu tiên và không thể không nhắc đến đó là đức Phật. Ngay từ khi chưa “đón” ngộ, Siddhartha đã cảm hoá được cỏ cây, muông thú nhờ bề ái mệnh mông của Người. Với vẻ đẹp thánh thiện từ bi có sức mạnh tuyệt đối thu phục nhân tâm và quyến rũ được cả muôn loài muông thú “Những con sóc đất, những chú khỉ và chim công, thậm chí của hươu nai trong vườn cũng tới gần hoàng tử mà không hề sợ hãi, ăn những búi cỏ, mổ những hạt ngô trên bàn tay ngả ra của hoàng tử một cách thản nhiên và tin cậy”. “Một con ngựa hoang chưa hề được thuần hoá, chưa một ai có thể leo lên lưng. Mắt nó vẫn lên. Bờm dựng đứng. Nó hí lên man dại, tung vó đá bất cứ một chàng trai nào mon men lại gần...” [5, tr.37]. Vậy mà nó bỗng trở lên “bình tĩnh”, “ngoan trở lại” khi hoàng tử Siddhartha vừa vỗ về, thủ thỉ bằng ngôn ngữ của loài vật và cuối cùng để cho hoàng tử ngồi lên lưng, như mang một người bạn. Tấm lòng từ bi, thái độ bình tĩnh khoan dung của đức Phật có sức cảm hoá khôn cùng, sức mạnh của lòng từ bi ấy có thể khiến một con voi bị chuốc rượu say đang lên cơn, trong cơn “bùng bùng lao đến” mà cuối cùng phải dừng lại và “bất chợt phục hồi tri giác”, nhìn người đang đứng trước mặt nó và “thả vòi xuống như chào”... Ngay đến cả tên lính vệ binh được Devadatta sai đi giết Ngài, khi đến nơi với năng lượng từ bi Ngài đã cảm hóa và dập tắt được lòng hung bạo tàn ác của tên lính vệ binh ấy, Ngài còn nhẹ nhàng khuyên bảo, chỉ dạy để tên lính ấy đi vào con đường lương thiện. Trong quá trình đi truyền bá giáo lý nhà Phật, với tấm lòng từ bi quảng đại, Buddha đã cảm hoá được không chỉ muôn vật mà còn có biết bao con người khác đã tình nguyện quy y cửa Phật và trở thành môn đệ của ngài: từ hai vị vua đầy quyền lực Bimbisara, vua Pasenadi tới những người dân bình thường, và thậm chí là cả tên cướp khét tiếng Ahimsaka.

Phật giáo luôn quan niệm con người cần “từ, bi, hỉ, xả”, yêu thương và biết hướng tới lẽ phải. Phật giáo luôn dung thứ cho những con người đã từng phạm sai lầm nhưng biết sửa chữa sai lầm. Trong tác phẩm, triết lý này được thể hiện rõ nhất bằng số phận những con người mang nặng những nỗi khổ đau ở đời, bị chìm trong “vô minh” như Yasa, Anguli Mala, Juhi. Tư tưởng nhà Phật không chỉ được thể hiện thông qua những lời giáo huấn trực tiếp của đức Phật mà còn được chuyển tải qua cuộc đời và số phận của các nhân vật. Như tên cướp Anguli Mali đã xuống tay hãm hại biết bao người và trở thành một tên cướp

lạnh lùng khét tiếng. Tưởng như không gì có thể làm rung động trái tim của tên cướp máu lạnh đó. Nhưng tâm lòng và sự từ bi của đức Phật đã cảm hoá được Anguli và đưa anh trở về con đường chính đạo, làm một người lương thiện.

2.5. Dấu ấn Phật tâm trong sáng tác của Hồ Anh Thái

Trong *Kinh Đại bát Niết bàn*, Đức Phật có dạy “Tất cả chúng sanh đều có bản tâm thanh tịnh. Chúng sanh chẳng nhận thấy được vì bị vô minh che lấp” [7]. Nghĩa là, mọi người đều có bản tâm thanh tịnh (căn bản trí), trong sáng tròn đầy, vắng lặng; nhưng vì bị ngoại cảnh bên ngoài chi phối, tâm luôn bị xao động, “tâm viên ý mã”, thành vọng tâm, thành ra tâm trí bất an điên đảo, tạo tội tạo nghiệp trong vòng luân hồi bất diệt. Phật giáo quan niệm rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tâm, Phật tánh ấy luôn hiện hữu trong mỗi con người, nhưng do vô minh che lấp tâm trí nên Phật tánh ấy không hiển lộ được.

Nắm bắt được chân lý ấy, Hồ Anh Thái đã gieo vào lòng người đọc một sự hướng thiện qua nhân vật Đông trong tiểu thuyết *Cõi người rung chuông tận thế*. Bản chất là một người đa cảm, yếu đuối, có tố chất nghệ sĩ, bản thân lại gặp nhiều bi kịch (người tình lừa dối, con gái chết, vợ bỏ đi) nhưng Đông lại dễ dàng thích nghi với lối sống thực dụng, hưởng thụ của xã hội hiện đại. Cùng với Cốc, Bóp, Phũ, nhân vật Đông đã sống buông thả, buông theo những dục vọng, thú tính tầm thường. Tuy nhiên, sau khi chứng kiến lần lượt cái chết của ba gã trai trẻ tuổi, từ chỗ hận thù Mai Trùng, Đông đã dần giác ngộ, xuyên suốt tiểu thuyết là hành trình hướng thiện, quay trở về với bản tâm thanh tịnh của mình. Khi con người đứng bên bờ vực thẳm của cái chết, họ mới càng muốn được sống, càng muốn hướng thiện hơn bao giờ hết. Đông thốt lên rằng “Không, tôi còn muốn sống. Đầu óc tôi giờ đây hoàn toàn trong sạch, ở trong ấy không hề có một thứ độc được nào cả” [3, tr.164]. Khi Mai Trùng cũng hoàn toàn giải thoát được sứ mệnh đi diệt trừ cái ác, Đông cũng được giải thoát. Thông qua hành trình sám hối của nhân vật Đông và hành trình tìm đường trở về với chính mình của Mai Trùng mang một hàm nghĩa: Nhân vật phản kháng để đi tìm bản thể của chính mình, đó cũng chính là tìm về với bản tâm thanh tịnh, Phật tâm vốn hằng hữu trong mỗi con người như lời đức Phật đã dạy. Và để tận diệt cái ác, điều cốt yếu là ở tâm mỗi người cần có sự phục thiện, có sự thanh lọc tâm hồn để trở về với điều thiện, bỏ qua hận thù, như vậy tự thân cái ác sẽ không còn. Trùng phạt chỉ là giải pháp. Ngộ ra lẽ phải, thực tâm niệm thiện thì cái ác sẽ không còn, cõi người sẽ bình an, đó mới là điều quan trọng, đó là tư tưởng cao đẹp của đạo Phật mà Hồ Anh Thái muốn chuyển tải thông qua tác phẩm của mình.

Trong *Đức Phật nàng Savitri và tôi*, Hồ Anh Thái đã xây dựng nên cốt truyện thể hiện niềm tin khả năng thức tỉnh hướng thiện của mỗi con người qua từng nhân vật. Một kẻ giết người không góm tay như Anguli Mala lại có ngày chịu cải tà quy chánh. Bắt đầu từ cái “cái ma lực hút Anguli Mala lại gần và chấn gió cho Phật cùng mặc cảm tội lỗi khi ngồi bên Người”, anh dần được soi sáng trước những lời giáo hóa của Phật: “Người hãy đi đi trong cõi đời này rồi sẽ thấy những người biết yêu con người nhiều hơn cả cát sông Hằng kia” [5, tr.357]. Anh không thể chần chừ trước lời thôi thúc của Người: “Không đâu, làm việc thiện bỏ điều ác không bao giờ quá muộn. Bể khổ thật bao la, song hề muốn nhìn thấy bến, ta chỉ việc quay nhìn lại” [5, tr.358]. Từ giờ phút đó Ahimsaka “được phục

sinh trong đạo pháp của lòng yêu mến con người”. Anh quyết định quy y, trở thành Phật tử đi khất thực hàng ngày. Anguli đã phải trả giá cho quá khứ để đổi lấy sự thanh thản và bình yên tuyệt đối. Hồ Anh Thái đã chuyển tải giáo lý sáng ngời của đạo Phật, kẻ gây ra cái ác không bị đẩy đến đường cùng. Họ vẫn còn cơ hội giác ngộ nếu trong họ vẫn còn sót lại chút thiên lương trong trẻo “làm việc thiện bỏ điều ác không bao giờ là quá muộn”.

Nàng hầu Juhi cũng là nhân vật tiêu biểu minh chứng cho hành trình hướng thiện. Tưởng chừng như suốt đời chìm đắm trong mê cung của dục lạc nhưng cuối cùng nàng cũng có lúc nhận ra “ta không cần gì cho ta nữa. Đối thì khất thực. Rét thì thí chủ bố thí cho y” [6, tr.373]. Nàng đã nhận ra cái thế gian u tối kia tràn ngập cả sự khổ đau và nàng cũng là một nạn nhân của nó. Qua đây chúng ta có thể thấy rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và khả năng thể nhập. Cái quý của con người là sự tự vươn lên để cải tiến, hướng đến cái thiện, quay về với cái tâm nguyên sơ không tơ hào chút bụi.

Không chỉ ở nhân sinh quan mà cả ở thế giới quan và vũ trụ quan biểu hiện trong sáng tác của Hồ Anh Thái luôn thấm nhuần giáo lý nhà Phật. Tuy tác giả không phải là Phật tử, không phải là tín đồ của tôn giáo nhưng từ góc nhìn văn hóa Phật giáo, ta có thể thấy rất rõ từ cảm quan đến tâm thức sáng tạo của nhà văn, đều được chi phối bởi tinh thần giáo lý Phật giáo, gắn với những nguyên lý có ý nghĩa nhân sinh.

3. KẾT LUẬN

Hồ Anh Thái là một trong những nhà văn đã góp phần cách tân, hiện đại hoá văn xuôi, đưa văn học Việt Nam hội nhập vào dòng chảy của văn học thế giới. Là cây bút văn xuôi đương đại rất có duyên với đạo Phật, Phật giáo đã trở thành tâm đạo soi chiếu cuộc đời và những bước đi trên hành trình sáng tạo nghệ thuật của mình. Những triết thuyết của tôn giáo không chỉ đi vào đời sống tâm linh con người mà còn góp phần hình thành những quan điểm sáng tác khác nhau cho các nhà văn. Ngược lại, thông qua mỗi tác phẩm văn học, tư tưởng, giáo lý của tôn giáo lại nhẹ nhàng thấm nhuần vào trong tâm thức của mỗi con người, hướng con người tới những giá trị chân - thiện - mỹ. Những sáng tác của ông về đề tài Phật giáo thấm nhuần các giáo lý như thuyết duyên khởi, nhân quả, nghiệp, luân hồi, vô thường, vô ngã, từ bi, Phật tâm... như một tiếng nói mới mẻ, góp phần tái hiện lại lịch sử một tôn giáo vĩ đại trong quá khứ. Hệ thống nhân vật của Hồ Anh Thái thể hiện đậm nét tinh thần của Phật giáo, sự giác ngộ của con người về cuộc sống, những vô minh cuốn con người vào sự khổ đau ở đời, mỗi số phận của nhân vật là một bài học về sự sống và về chân lý ở đời. Những gì nhà văn đề cập đều là vấn đề thời sự, như “những mũi kim châm cứu” châm vào mọi niềm nhức nhối trong lòng xã hội hiện đại, đặc biệt là bi kịch của đời người, bi kịch nhân sinh. Dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh nhìn từ cảm quan hiện thực, cảm quan tôn giáo trong sáng tác đã khẳng định được sự đóng góp độc đáo của Hồ Anh Thái vào dòng chảy liên mạch của khuynh hướng hiện sinh trong nền văn học Việt Nam nói chung và văn học Phật giáo thời kỳ sau đổi mới, đồng thời cũng khẳng định vị thế đặc biệt của nhà văn trên văn đàn.

Tóm lại, qua thực tế đời sống tâm linh của người Việt với những giá trị văn hoá mà Phật giáo đem lại, đặc biệt, trong hệ thống sáng tác của Hồ Anh Thái, người viết hy vọng sẽ đi đến kiến giải và làm sáng tỏ vai trò của các tư tưởng Phật giáo dưới góc nhìn đời sống

văn học cộng hưởng với đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Hy vọng nghiên cứu này có thể góp thêm một vài hướng tiếp cận mới đối với những học giả nghiên cứu và sẽ có nhiều tác phẩm cũng như bài nghiên cứu về giá trị các tư tưởng Phật giáo trong những tác phẩm thế tục. Bởi việc giáo dục bằng con đường giáo hóa văn hóa giáo lý Phật giáo thông qua hình tượng nghệ thuật như trong những tác phẩm của Hồ Anh Thái mang lại hiệu quả thiết thực hơn việc dùng lý thuyết suông trong quá trình “tải đạo vào đời”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đăng Duy (1999), *Phật giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Võ Anh Minh (2004), “Cõi người rung chuông tận thế từ góc nhìn Phật giáo”, *Dư luận trong tiểu thuyết Cõi người rung chuông tận thế của Hồ Anh Thái*.
- [3] Hồ Anh Thái (2013), *Cõi người rung chuông tận thế*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Hồ Anh Thái (2014), *Tiếng thở dài qua rừng Kim Tước*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Hồ Anh Thái (2007), *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6] Nguyễn Thị Kim Thanh (2012), “*Văn hóa Ấn độ trong sáng tác của Hồ Anh Thái*”, 60-22-32, Luận văn ThS. ngành: Lý luận văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- [7] Hòa thượng Thích Trí Tịnh (1991), *Kinh Đại Bát Niết Bàn*, Nxb Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8] Lê Dục Tú (2018), *Cảm quan tôn giáo trong văn xuôi Việt Nam đương đại*, Kỷ yếu Hội thảo Văn học và Văn hóa tâm linh, Viện Văn học, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] Thích Hạnh Tuệ (2018), *Văn học Phật giáo Việt Nam một hướng tiếp cận*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Title: HO ANH THAI'S WORKS - FROM THE VIEW OF BUDDHA CULTURE

Abstract: From the reality of the spiritual life of the Vietnamese people with the Buddhist cultural values basing its perspective on life, such as the doctrine of dependent origination, karma, and impermanence..., the author analyzes and clarifies the views and ideas of Buddhism in the Ho Anh Thai's works. Through studying the Buddhist perspective on life in Ho Anh Thai's composition system, this study describes and explains the role of Buddhist ideas efficiently from the perspective of literary life in resonance with Vietnamese spiritual life. This article focuses on studying the Buddhist ideology and outlook on life used by Ho Anh Thai's works from 1986. The author hopes that this study can contribute a new approach to the value of Buddhist ideas in secular works.

Keywords: Ho Anh Thai's composition, Buddhist culture, Buddhist perspective on life.